PROFESSIONAL STANDARDS

Tiêu chuẩn nghề: 5S, ISO và HSE

Hệ thống quản trị chất lượng, an toàn và môi trường áp dụng cho vận hành vệ sinh công nghiệp

Kiến trúc Policy–Standard–SOP–Form–Audit; cách áp dụng 5S, ISO 9001, ISO 45001, ISO 14001 và ISSA CIMS vào từng ca vệ sinh, kèm KPI, CAPA và lịch đánh giá.

> *"Ca khó không ngại. Đã nhận là làm đến cùng."*
>
> SONGANHHYG · LÀM NGHỀ BẰNG KHÍ CHẤT VÀ TỰ TRỌNG

CHẨN ĐOÁN · PHƯƠNG PHÁP · THÔNG SỐ · KIỂM SOÁT RỦI RO · NGHIỆM THU

SAH-STD-06 · V1.1 · 11/2026

SERVICE COMPETENCY
Chứng minh tay nghề bằng quy trình và số đo

VERIFIED DELIVERY
Ca thực chiến, dữ liệu và nghiệm thu

RISK PROTECTION
Cam kết bảo vệ khách hàng bằng cơ chế

0905 751 566 · danangadv@gmail.com · dichvuvesinhdanang.com

MỤC LỤC

Cấu trúc tài liệu, thứ tự đọc và số trang trên bản PDF

01 Một hệ thống, năm tầng kiểm soát 3

02 Phân tầng tài liệu và nhịp rà soát 3

03 5S là công cụ vận hành, không phải phong trào 4

04 Chuyển điều khoản thành việc làm hằng ngày 4

05 HIRA và giấy phép làm việc 5

06 PPE, SDS, toolbox và khóa nguồn 6

07 Khía cạnh môi trường trong một ca vệ sinh 7

08 Đối chiếu năm nhóm và khoảng trống 8

09 Bảng điều khiển KPI 8

10 Khắc phục, phòng ngừa và kiểm tra hiệu lực 9

11 Sổ đăng ký pháp lý 9

12 RACI và ma trận đào tạo 10

13 Nhịp đánh giá và rà soát lãnh đạo 11

14 Checklist audit 5S và HSE 11

CÁCH ĐỌC TÀI LIỆU

Thang bằng chứng E0–E4: E0 chính sách; E1 quy trình; E2 năng lực; E3 đo lường; E4 xác nhận độc lập. Mỗi bảng có đơn vị và ngưỡng; mỗi kết luận phải truy được về một phép đo hoặc một biên bản. Bản PDF có bookmark theo mục và số trang in ở chân trang.

KIỂM SOÁT TÀI LIỆU

MÃ TÀI LIỆU	PHIÊN BẢN	HIỆU LỰC	TRẠNG THÁI
SAH-STD-06	V1.1	Sau khi ký	Bản trình duyệt 1.1
BIÊN SOẠN	**SOÁT XÉT**	**PHÊ DUYỆT**	**RÀ SOÁT TIẾP**
Phòng KT & CL	Trưởng phòng KT	_____	11/2027

01 · TÓM TẮT ĐIỀU HÀNH

Một hệ thống, năm tầng kiểm soát

Chất lượng vệ sinh không giữ bằng lời hứa mà bằng chuỗi tài liệu có người chịu trách nhiệm, có thước đo và có lần kiểm chứng.

Năm tầng: **Policy** → **Standard** → **SOP** → **Form** → **Audit**. Mỗi tầng một việc; tầng dưới không được vượt tầng trên.

05
tầng tài liệu, từ chính sách đến đánh giá

100%
ca có SOP được duyệt trước thi công

30 phút
phản hồi sự cố — chỉ số đã công bố

12 tháng
chu kỳ rà soát tối đa của tiêu chuẩn

1.1. Ba nguyên tắc không thương lượng

Đo được: mỗi tiêu chí quy về một số, một dụng cụ. **Kiểm chứng được**: mỗi số đo có người đo và hồ sơ. **Cải tiến được**: mỗi lần không đạt sinh ra hành động có hạn và có kiểm tra hiệu lực. "Sạch" không phải tiêu chí; "ATP ≤ 100 RLU ở mười điểm chạm tay" là tiêu chí [E3].

TRẠNG THÁI ÁP DỤNG — ĐỌC KỸ TRƯỚC KHI TRÍCH DẪN

- **Đã công bố:** ISO 9001:2015, ISSA CIMS, QLT-100, WSQ.
- **Tham chiếu, áp dụng một phần:** ISO 45001:2018, ISO 14001:2015, ISO 41001:2018, OSHA 29 CFR 1910.
- Áp dụng tham chiếu không đồng nghĩa đã được chứng nhận.

02 · KIẾN TRÚC TÀI LIỆU

Phân tầng tài liệu và nhịp rà soát

Mỗi tài liệu chỉ có một người ban hành, một mã hiệu, một nhịp rà soát. Trùng lặp thẩm quyền là nguồn gốc phổ biến nhất của lỗi vận hành.

Mã tài liệu gồm tiền tố **SAH**, nhóm chức năng, số thứ tự, cấp phiên bản. Mọi thay đổi hóa chất, thiết bị hoặc khung giờ phải mở phiếu thay đổi (MOC) trước khi sửa SOP.

BẢNG 2.1. NĂM TẦNG TÀI LIỆU, THẨM QUYỀN BAN HÀNH VÀ NHỊP RÀ SOÁT

Tầng	Nội dung cốt lõi	Người ban hành	Mã hiệu	Rà soát
Chính sách	Cam kết chất lượng, an toàn, môi trường, đạo đức	Ban Giám đốc	SAH-POL	24 tháng
Tiêu chuẩn	Ngưỡng chất lượng, phương pháp đo, mức bằng chứng	Kỹ thuật & Chất lượng	SAH-STD	12 tháng
Quy trình	Trình tự bước, điểm giữ, tiêu chí đạt	Trưởng phòng Kỹ thuật	SAH-SOP	12 tháng
Biểu mẫu	Checklist, biên bản, nhật ký, phiếu sự cố	Giám sát vận hành	SAH-FRM	6 tháng

Tầng	Nội dung cốt lõi	Người ban hành	Mã hiệu	Rà soát
Hồ sơ	Bằng chứng đã thực hiện: số đo, ảnh, chữ ký	Người thực hiện	Mã ca + ngày	Lưu 24 tháng

Phân biệt: **QCVN** là quy chuẩn kỹ thuật bắt buộc do cơ quan nhà nước ban hành; **TCVN** là tiêu chuẩn tự nguyện; **ISO** là tiêu chuẩn quốc tế. Các tài liệu SAH-* trong thư viện này là tiêu chuẩn nội bộ, không phải QCVN và không thay thế QCVN/TCVN khi hợp đồng hoặc cơ quan kiểm tra yêu cầu.

03 · 5S TRONG VỆ SINH

5S là công cụ vận hành, không phải phong trào

Trong vệ sinh công nghiệp, 5S nói về kho dụng cụ, trạm pha hóa chất, xe đẩy và cách một ca bàn giao cho ca sau.

BẢNG 3.1. NĂM S, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ VÍ DỤ TẠI HIỆN TRƯỜNG

Chữ S	Định nghĩa vận hành	Tiêu chí đánh giá	Ví dụ thực chiến
Seiri — Sàng lọc	Tách vật cần dùng khỏi vật không còn giá trị	Số vật dụng không nhãn; số thẻ đỏ đang mở	Thẻ đỏ cho bình mất nhãn, bàn chải sờn; xử lý trong 7 ngày
Seiton — Sắp xếp	Mỗi dụng cụ một vị trí, một nhãn	Tìm dụng cụ ≤ 30 giây; 100% móc treo có nhãn	Shadow board tại kho ca; microfiber mã màu: đỏ nhà vệ sinh, xanh dương khu chung, xanh lá pantry
Seiso — Sạch sẽ	Vệ sinh cả thiết bị, không chỉ bề mặt nhìn thấy	Không cặn trong khớp nối, đầu phun	Xịt rửa scrubber-dryer cuối ca; bảng kiểm sáu điểm trên xe đẩy
Seiketsu — Chuẩn hóa	Biến trạng thái tốt thành chuẩn nhìn thấy được	Có ảnh mẫu chuẩn, có lịch trực quan	Visual schedule tại cửa kho; ảnh “trước – sau” từng ngăn tủ
Shitsuke — Duy trì	Giữ kỷ luật bằng đào tạo và đánh giá	Tuân thủ ≥ 90%; lỗi tái phát ≤ 1/tháng	Năm phút 5S đầu ca; công bố điểm 5S tuần trên bảng vận hành

3.1. Thang điểm 0–5 và tần suất đánh giá

0 chưa có chuẩn; **1** có chuẩn nhưng không ai làm; **2** đạt dưới 50% số mục; **3** đạt 50–80%; **4** đạt từ 90% và có ảnh chứng; **5** đạt 4 và có cải tiến được nhân rộng. Điểm 0–1 dừng ca để lập chuẩn trong 7 ngày; điểm 2 mở CAPA Minor hạn 14 ngày; điểm 3 chỉnh chuẩn tại điểm lỗi.

Tần suất: tổ trưởng tự kiểm đầu ca, giám sát đánh giá tuần, ban 5S đánh giá tháng.

04 · ISO 9001:2015

Chuyển điều khoản thành việc làm hằng ngày

ISO 9001 không đòi thêm giấy tờ, mà đòi bằng chứng rằng tổ chức biết mình làm gì, đo cái gì và sửa cái gì. SONGANHHYG đã công bố ISO 9001:2015 trong hồ sơ năng lực hiện hành.

BẢNG 4.1. ĐỐI CHIẾU ĐIỀU KHOẢN ISO 9001:2015 VỚI HOẠT ĐỘNG VỆ SINH

Điều khoản	Hoạt động tương ứng	Bằng chứng lưu hồ sơ
4. Bối cảnh	Bản đồ bên liên quan; rủi ro theo loại công trình	Hồ sơ khảo sát, sổ rủi ro E1
5. Lãnh đạo	Chính sách chất lượng, phân công, giao ban tuần	Chính sách có ký, biên bản họp E0
6. Hoạch định	Mục tiêu theo hợp đồng, kế hoạch ca, quản lý thay đổi	Bảng KPI, phiếu MOC E1
7. Hỗ trợ	Tuyển dụng, đào tạo, hiệu chuẩn thiết bị, kiểm soát tài liệu	Hồ sơ đào tạo, tem hiệu chuẩn E2
8. Vận hành	Thi công theo SOP, kiểm soát nhà cung cấp, bàn giao ca	Checklist, biên bản bàn giao E1
9. Đánh giá	Giám sát 2 lớp, đo ATP và gloss, khảo sát hài lòng	Nhật ký đo, phiếu khảo sát E3
10. Cải tiến	Xử lý không phù hợp, CAPA, cập nhật SOP	Sổ CAPA, SOP phiên bản mới E3

4.1. Mục tiêu chất lượng đang theo dõi

- ☐ ATP ≤ 100 RLU; 101–300 RLU xử lý lại; trên 300 RLU không đạt [E3].
- ☐ Độ bóng: vinyl ≥ 40 GU; marble ≥ 85 GU [E3].
- ☐ Hoàn thành checklist ca ≥ 98%; kiểm tra 2 lớp đủ 100%.
- ☐ Khiếu nại ≤ 1/tháng/10.000 m^2.
- ☐ Tái ký ≥ 91%; hài lòng ≥ 78% (đã công bố).

Mỗi bản SOP có số kiểm soát và ngày thu hồi bản cũ. Hài lòng đo bằng khảo sát quý và phân tích khiếu nại theo loại lỗi.

05 · HSE — NHẬN DIỆN RỦI RO

HIRA và giấy phép làm việc

Không có giấy phép làm việc thì không có ca. Đây là quy tắc vận hành, không phải thủ tục hành chính.

Chúng tôi áp dụng ISO 45001:2018 và OSHA 29 CFR 1910 theo hướng tham chiếu. Rủi ro chấm theo khả năng (1–5) và mức độ tổn thất (1–5); điểm là tích hai trục.

BẢNG 5.1. MA TRẬN RỦI RO 5×5: KHẢ NĂNG × MỨC ĐỘ

Khả năng ↓ / Mức độ →	1	2	3	4	5	Xếp loại
5 — Gần như chắc chắn	**5**	**10**	**15**	**20**	**25**	**Rất cao — không thi công**
4 — Thường xuyên	**4**	**8**	**12**	**16**	**20**	**Cao — dừng để kiểm soát**
3 — Có thể xảy ra	**3**	**6**	**9**	**12**	**15**	**Trung bình — bổ sung 14 ngày**
2 — Ít xảy ra	**2**	**4**	**6**	**8**	**10**	**Chấp nhận có giám sát**
1 — Hiếm	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**Thấp — giám sát định kỳ**

Mức độ 1 là không đáng kể; mức 5 là tử vong.

BẢNG 5.2. BỐN LOẠI GIẤY PHÉP LÀM VIỆC VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP

Công việc	Điều kiện trước khi cấp	Người cấp	Hiệu lực
Làm việc trên cao	Neo EN 795, harness EN 361, lanyard EN 355; chứng chỉ làm việc trên cao; người canh ngoài; gió ≤ 10 m/s (hoặc thấp hơn theo nhà sản xuất/anchor); không mưa, sét, tầm nhìn kém	Giám sát HSE	1 ca
Hóa chất	SDS tại chỗ, PPE đúng nhóm, thông gió, khay chứa	Trưởng ca + HSE	1 ca
Công việc điện	LOTO, khóa cá nhân, đo xác nhận không điện áp	Kỹ thuật tòa nhà	1 ca
Không gian hạn chế	O_2 19,5–23,5%; LEL < 10%; người canh ngoài	HSE + chỉ huy	1 ca, đo lại 2 giờ/lần

KHÔNG THI CÔNG KHI

- Không có PTW hợp lệ hoặc PTW đã hết hiệu lực.
- Thiếu PPE, thiếu SDS hoặc thiếu người giám sát.
- Nghi ngờ vật liệu chứa amiăng hoặc sơn chì chưa khảo sát.
- Làm việc trên cao một mình, không có người canh ngoài hoặc phương án cứu hộ.
- Chỉ số nhiệt (heat index) ≥ 37°C với công việc ngoài trời/kính cao tầng mà không bố trí luân ca, nước uống và bóng mát.

ĐIỀU KIỆN MIỀN TRUNG: NẮNG NÓNG, MƯA LŨ, HƠI MUỐI

Nắng nóng: tránh khung 11:00–15:00 cho công việc ngoài trời; luân ca 45–60 phút, bổ sung nước và điểm nghỉ có bóng mát; theo dõi dấu hiệu say nóng (chóng mặt, da nóng, ngừng ra mồ hôi). **Mưa lớn/sét:** dừng kính cao tầng, đá ngoài trời và epoxy; cô lập điện, che thiết bị, không để nước chảy vào khe kết cấu. **Hơi muối ven biển:** rửa khung nhôm/inox và neo sau ca; kiểm tra ăn mòn định kỳ; không để hóa chất đọng trên kim loại. **Nước thải:** không xả nước rửa hóa chất ra cống mưa; thu gom, trung hòa và chuyển giao theo quy định.

06 · HSE — KIỂM SOÁT

PPE, SDS, toolbox và khóa nguồn

Thứ tự kiểm soát: loại bỏ, thay thế, kiểm soát kỹ thuật, kiểm soát hành chính, cuối cùng mới là PPE.

BẢNG 6.1. MA TRẬN PPE TỐI THIỂU THEO NHÓM CÔNG VIỆC

Nhóm công việc	PPE tối thiểu	Ghi chú kiểm tra
Văn phòng	Găng nitrile, khẩu trang, giày chống trượt	Không dùng lại găng giữa nhà vệ sinh và pantry
Pha hóa chất	Kính bảo hộ, găng dài, tạp dề, khẩu trang	Pha tại trạm có vòi rửa mắt
Kính cao tầng	Harness toàn thân, mũ, kính, găng, dây neo	Kiểm tra dây và khóa trước mỗi ca
Phun áp lực	Mặt nạ lọc, kính kín, găng, ủng	Chọn lọc theo nhãn hóa chất
Acid, đá	Kính kín, găng chịu acid, ủng, tạp dề	Có dung dịch trung hòa tại chỗ
Cống, chất thải	N95, găng dài, ủng, kính	Thay găng trước khi rời khu vực
Sau xây dựng	N95, kính kín, găng, ủng; hút HEPA H13	Không dùng chổi khô làm phát tán bụi

6.1. SDS, toolbox talk và tháp sự cố

Mỗi hóa chất có phiếu an toàn 16 mục theo GHS, bản tiếng Việt, trong túi chống nước tại điểm dùng. Nhãn pha loãng ghi tên, nồng độ, giờ pha, người pha. Toolbox talk 5 phút đầu ca gồm việc hôm nay, rủi ro chính, điểm giữ; người dự ký tên.

- **Near miss** — ghi phiếu trong ca.
- **Sơ cứu** — báo trong 1 giờ, điều tra 24 giờ.
- **Hạn chế công việc** — báo 24 giờ, điều tra 3 ngày.
- **Nghỉ việc do tai nạn** — báo ngay, điều tra 7 ngày.
- **Nghiêm trọng, tử vong** — dừng ngay, bảo toàn hiện trường.

6.2. LOTO — sáu bước khóa nguồn

```
Thông báo → Ngắt nguồn → Khóa và gắn thẻ tên → Xả năng lượng dư → Đo xác nhận không điện áp → Hoàn nguyên và kiểm tra
```

Mỗi người giữ một khóa cá nhân, không mở khóa của người khác.

07 · ISO 14001:2015

Khía cạnh môi trường trong một ca vệ sinh

Tác động môi trường lớn nhất của nghề vệ sinh nằm ở lượng nước, hóa chất và chất thải của mỗi ca.

Chúng tôi áp dụng ISO 14001:2015 theo hướng tham chiếu: nhận diện khía cạnh, chấm mức tác động, đặt chỉ tiêu, kiểm tra định kỳ.

BẢNG 7.1. KHÍA CẠNH MÔI TRƯỜNG VÀ BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT

Hoạt động	Khía cạnh	Tác động	Kiểm soát	Chỉ tiêu
Pha hóa chất	Rò rỉ, tràn	Ô nhiễm nước, đất	Khay chứa, nhãn, trạm pha cố định	0 tràn ra cống
Vệ sinh kính	Nước thải có cặn, hóa chất	Ô nhiễm nước mặt	Thu nước, lắng cặn, không xả hố ga	Thu 100% nước tầng trệt
Mài, đánh bóng đá	Bùn đá, bụi mịn	Chất thải rắn, bụi hô hấp	Hút ướt, thu bùn, máy HEPA	Bùn thu gom 100%
Sinh hoạt ca	Bao bì, găng, giẻ	Chất thải sinh hoạt, nguy hại	Phân ba dòng tại nguồn	Phân loại đúng ≥ 95%
Vận hành thiết bị	Tiêu thụ điện	Phát thải gián tiếp	Lịch sạc, tắt máy khi nghỉ	Ghi kWh, mục tiêu giảm 5%/năm
Dùng nước	Tiêu thụ nước sạch	Khan hiếm nước cục bộ	Định mức lít/m², kiểm tra rò rỉ	≤ định mức hợp đồng
Lưu trữ hóa chất	Tồn chứa, nguy cơ cháy	Cháy nổ, rò rỉ	Tủ khóa, phân nhóm, kiểm kê tháng	100% có SDS

Chất thải nguy hại chuyển giao cho đơn vị có chức năng, kèm chứng từ khối lượng.

08 · ISSA CIMS

Đối chiếu năm nhóm và khoảng trống

ISSA CIMS là tiêu chuẩn quản lý ngành vệ sinh. SONGANHHYG đã công bố ISSA CIMS trong hồ sơ năng lực hiện hành.

Bảng dưới là tự đánh giá nội bộ, không thay thế báo cáo của tổ chức đánh giá độc lập. Cột khoảng trống được giữ lại có chủ đích.

BẢNG 8.1. ĐỐI CHIẾU NĂM NHÓM ISSA CIMS VÀ KHOẢNG TRỐNG CẦN CẢI THIỆN

Nhóm	Yêu cầu cốt lõi	Cách đáp ứng	Bằng chứng	Khoảng trống
Hệ thống quản lý	Chính sách, mục tiêu, đo lường, cải tiến	Kiến trúc 5 tầng, KPI, sổ CAPA	E1 E4	Số hóa hồ sơ giấy
Cung cấp dịch vụ	Đặc tả công việc, kiểm soát chất lượng	SOP 01–10, nghiệm thu 3 lớp	E1 E3	Checklist chưa theo tòa nhà
Nguồn nhân lực	Tuyển dụng, đào tạo, đánh giá tay nghề	Đào tạo đầu vào, thang 10 điểm	E2	Thiếu lộ trình nghề nghiệp bằng văn bản
Sức khỏe, an toàn, môi trường	Nhận diện rủi ro, PPE, sự cố	HIRA, PTW, toolbox, sổ pháp lý	E1 E2	Chưa có dữ liệu phơi nhiễm dài hạn
Cam kết lãnh đạo	Rà soát, nguồn lực, đạo đức kinh doanh	Họp rà soát 6 tháng	E0 E4	Thiếu chỉ số cải tiến do lãnh đạo chủ trì

Ba ưu tiên 12 tháng: checklist theo hợp đồng, nhật ký ca số hóa, lộ trình nghề nghiệp.

09 · ĐO LƯỜNG

Bảng điều khiển KPI

Chỉ số dẫn dắt cho biết hệ thống có đang chạy; chỉ số kết quả cho biết đã chạy đến đâu. Thiếu một trong hai, bức tranh đều sai.

Ngưỡng dưới đây là ngưỡng kiểm soát nội bộ, đối chiếu với hợp đồng từng công trình. Chỉ số không có chủ sở hữu là chỉ số để trang trí.

BẢNG 9.1. BỘ KPI VẬN HÀNH: LOẠI, ĐỊNH NGHĨA, NGƯỠNG, CHỦ SỞ HỮU

Chỉ số	Loại	Định nghĩa	Ngưỡng	Tần suất	Chủ sở hữu
ATP điểm chạm	Lagging	RLU trung bình 10 điểm/ca	≤ 100 RLU	Mỗi ca	Giám sát
Độ bóng sàn	Lagging	GU ở 60°, 5 điểm/100 m²	Vinyl ≥ 40; marble ≥ 85	Tuần	Kỹ thuật
Hoàn thành checklist	Leading	Mục đạt / tổng mục của ca	≥ 98%	Ngày	Tổ trưởng
Điểm 5S	Leading	Trung bình thang 0–5	≥ 4	Tuần	Giám sát
Toolbox talk	Leading	Buổi có chữ ký / số ca	100%	Ngày	HSE
Near miss báo cáo	Leading	Số phiếu/100 nhân viên/tháng	≥ 2	Tháng	HSE
Khiếu nại hợp lệ	Lagging	Số khiếu nại/10.000 m²	≤ 1	Tháng	Quản lý hợp đồng
Thời gian phản hồi	Lagging	Nhận báo đến khi có mặt	≤ 30 phút	Sự kiện	Điều hành
Tai nạn nghỉ việc	Lagging	Ca tai nạn/triệu giờ làm	0	Tháng	HSE

Chỉ số	Loại	Định nghĩa	Ngưỡng	Tần suất	Chủ sở hữu
Tái ký hợp đồng	Lagging	Gia hạn / đến hạn	≥ 91%	Quý	Kinh doanh

10 · CAPA

Khắc phục, phòng ngừa và kiểm tra hiệu lực

Một hành động không có kiểm tra hiệu lực chỉ là một lời hứa có ghi ngày.

Lỗi phân ba mức. **Critical**: nguy cơ an toàn hoặc vi phạm pháp luật — dừng việc, báo trong 30 phút, đóng trong 7 ngày. **Major**: lỗi lặp hoặc KPI lệch trên 20% — hạn 14 ngày. **Minor**: lỗi đơn lẻ — hạn 30 ngày.

10.1. Tìm nguyên nhân gốc

Lỗi đơn tuyến dùng 5 Why. Lỗi đa nhân tố dùng Ishikawa sáu nhánh: con người, máy, vật liệu, phương pháp, đo lường, môi trường. Cấm dừng ở "nhân viên bất cẩn".

Khắc phục xử lý hiện tượng; phòng ngừa loại bỏ điều kiện sinh ra lỗi. Hiệu lực kiểm tra ở mốc 30, 60, 90 ngày; nếu tái phát, CAPA mở lại ở mức cao hơn.

BA LÝ DO KHÔNG ĐƯỢC ĐÓNG CAPA

- Chưa đo lại chỉ số sau khi áp dụng hành động.
- Chưa cập nhật SOP, checklist hoặc đào tạo lại.
- Chưa kiểm tra khu vực khác có cùng điều kiện gây lỗi.

11 · TUÂN THỦ PHÁP LUẬT

Sổ đăng ký pháp lý

Sổ đăng ký pháp lý không phải bản sao văn bản luật. Nó là danh sách việc phải làm, người phải làm và hồ sơ phải lưu.

Bảng dưới nêu văn bản và chủ đề áp dụng ở mức độ. Số điều, khoản đối chiếu tại văn bản gốc khi lập hồ sơ.

BẢNG 11.1. SỔ ĐĂNG KÝ PHÁP LÝ TỐI THIỂU VÀ CÁCH ÁP DỤNG

Văn bản	Chủ đề liên quan	Áp dụng vào hoạt động	Theo dõi
Luật An toàn, vệ sinh lao động 84/2015/QH13	Nghĩa vụ người sử dụng lao động, huấn luyện, khám sức khỏe	Nội quy, kế hoạch huấn luyện, hồ sơ tai nạn	HSE
Nghị định 44/2016/NĐ-CP	Huấn luyện theo nhóm, kiểm định thiết bị	Kế hoạch huấn luyện năm, kiểm định thiết bị nâng	HSE, Kỹ thuật
Thông tư 07/2016/TT-BLĐTBXH	Nội dung, thời lượng huấn luyện và hồ sơ lưu	Giáo trình nội bộ, bài kiểm tra, sổ theo dõi	HSE
Nghị định 113/2017/NĐ-CP	Phân loại, nhãn, phiếu an toàn, lưu trữ hóa chất	Danh mục hóa chất, SDS 16 mục, tủ chứa	Phụ trách hóa chất
Thông tư 32/2017/TT-BCT	Khai báo, lưu giữ, vận chuyển hóa chất	Sổ nhập xuất, khai báo khi vượt ngưỡng	Phụ trách hóa chất
Nghị định 136/2020/NĐ-CP	Phòng cháy chữa cháy: phương án, trang bị, huấn luyện	Phương án theo tòa nhà, kiểm tra bình chữa cháy	HSE

Sổ rà soát mỗi quý. Dòng không truy được đến hồ sơ thực tế là dòng chưa tuân thủ.

HIỆU LỰC VĂN BẢN PHẢI KIỂM TRA TẠI NGÀY BAN HÀNH
Danh mục trên chỉ nêu chủ đề, không thay thế việc tra cứu văn bản gốc. Một số nghị định/thông tư đã được sửa đổi, bổ sung hoặc hợp nhất; trước khi dùng cho hồ sơ thầu, kiểm toán hoặc thanh tra, phải đối chiếu bản hợp nhất còn hiệu lực và xác nhận với pháp chế. Tài liệu này là tiêu chuẩn nội bộ, không phải QCVN.

12 · TỔ CHỨC THỰC HIỆN

RACI và ma trận đào tạo

Trách nhiệm không rõ là nguyên nhân gốc của phần lớn lỗi lặp lại. RACI chỉ có giá trị khi mỗi hoạt động có đúng một người chịu trách nhiệm cuối cùng.

A phê duyệt cuối cùng, **R** thực hiện, **C** hỏi ý kiến, **I** thông báo. Mỗi dòng chỉ một chữ A.

BẢNG 12.1. MA TRẬN RACI THEO HOẠT ĐỘNG VÀ VAI TRÒ

Hoạt động	Ban Giám đốc	Kỹ thuật	HSE	Giám sát	Tổ trưởng	Nhân viên
Ban hành chính sách, tiêu chuẩn	A	R	C	I	I	I
Xây dựng và sửa SOP	I	A	C	R	C	I
Đào tạo và đánh giá tay nghề	I	A	C	R	R	I
Khảo sát và lập kế hoạch ca	I	C	C	A	R	I
Cấp phép làm việc	I	C	A	R	I	I
Đo lường và nghiệm thu	I	C	I	A	R	R
Xử lý sự cố hiện trường	I	C	A	R	R	I
Mở và đóng CAPA	I	A	C	R	C	I
Rà soát lãnh đạo	A	R	C	C	I	I

BẢNG 12.2. MA TRẬN ĐÀO TẠO THEO VAI TRÒ

Vai trò	Đào tạo bắt buộc	Thời lượng	Tần suất	Đánh giá
Nhân viên mới	Hội nhập, an toàn nhóm 3, hóa chất, 5S, SOP theo vùng	16 giờ	Trước vào ca	Test và thực hành
Nhân viên kính cao tầng	Làm cao, dây đôi, tự cứu, cứu hộ	24 giờ	24 tháng	Thực hành có giám sát
Nhân viên đá	Nhận diện đá, chuỗi hạt, acid, xử lý ố	16 giờ	24 tháng	Tay nghề 10 điểm
Nhân viên hóa chất	Pha loãng, đọc SDS, xử lý tràn, sơ cứu	8 giờ	12 tháng	Test tình huống
Tổ trưởng	Giám sát ca, 5S, báo cáo, bàn giao	16 giờ	12 tháng	Đánh giá tại chỗ
Giám sát vận hành	Nghiệm thu, CAPA, nguyên nhân gốc, PTW	24 giờ	12 tháng	Phân tích tình huống
Cán bộ HSE	HIRA, điều tra sự cố, sổ pháp lý, audit	32 giờ	12 tháng	Thi và audit thử

Nhân viên chưa đạt đánh giá tay nghề không được giao ca độc lập.

13 · ĐÁNH GIÁ VÀ RÀ SOÁT

Nhịp đánh giá và rà soát lãnh đạo

Đánh giá chỉ có nghĩa khi kết quả của nó quay lại thay đổi lịch làm việc, ngân sách hoặc nội dung đào tạo.

Bốn nhịp, bốn đầu ra riêng:

- Tự kiểm 5S đầu ca — tổ trưởng, hằng ngày, ra điểm 5S.
- Kiểm tra 2 lớp — giám sát, mỗi ca, ra biên bản và lỗi mở.
- Đánh giá nội bộ và HSE — hằng quý, ra báo cáo không phù hợp.
- Rà soát lãnh đạo — sáu tháng, ra quyết định nguồn lực.

Chương trình rà soát cố định: KPI, trạng thái CAPA, khiếu nại và sự cố, kết quả audit, thay đổi pháp lý, nguồn lực. Biên bản ghi rõ quyết định, người thực hiện và hạn hoàn thành.

14 · PHỤ LỤC

Checklist audit 5S và HSE

Hai checklist dùng tại hiện trường. Mục trả lời Không sinh một dòng trong biên bản khắc phục.

14.1. Checklist audit 5S — 20 mục

- □ Kho ca có shadow board, đủ móc treo.
- □ Không có bình hóa chất mất nhãn.
- □ Bình pha loãng ghi tên, nồng độ, giờ pha.
- □ Microfiber phân màu đúng vùng.
- □ Giẻ và bàn chải sờn đã loại khỏi xe đẩy.
- □ Xe đẩy đủ hai xô.
- □ Thiết bị điện còn tem hiệu chuẩn trong hạn.
- □ Không có vật dụng cá nhân trong khu hóa chất.
- □ Lịch vệ sinh trực quan treo tại điểm dùng.
- □ Ảnh mẫu chuẩn khớp trạng thái hiện tại.
- □ Dụng cụ sau ca vệ sinh, treo đúng chỗ.
- □ Khu pha hóa chất khô, không chai không nắp.
- □ Chất thải phân đúng ba dòng tại nguồn.
- □ Không có dây điện, ống nước bắc ngang lối đi.
- □ Biển "sàn ướt" đặt đúng chỗ.
- □ Nhân viên mặc đúng đồng phục và PPE theo vùng.
- □ Tủ dụng cụ không có vật dụng khu vực khác.
- □ Điểm 5S tuần trước đã công bố.
- □ Nhân viên trả lời đúng vị trí dụng cụ.
- □ Không còn thẻ đỏ quá 7 ngày chưa xử lý.

14.2. Checklist HSE — 15 mục

- ☐ PTW còn hiệu lực và đúng loại công việc.
- ☐ HIRA của ca đã rà soát, có kiểm soát.
- ☐ Toolbox talk đầu ca có đủ chữ ký.
- ☐ PPE đúng nhóm, không nứt hoặc hết hạn.
- ☐ SDS mọi hóa chất đang dùng có tại chỗ.
- ☐ Trạm pha có khay chứa và nhãn.
- ☐ Dụng cụ hóa chất không dùng cho thực phẩm.
- ☐ Thiết bị làm cao đã kiểm tra dây, neo.
- ☐ Khu vực làm việc được rào.
- ☐ LOTO đã áp dụng trước khi vệ sinh thiết bị.
- ☐ Lối thoát hiểm, bình chữa cháy không bị chắn.
- ☐ Thời tiết trong ngưỡng cho việc ngoài trời.
- ☐ Sự cố, near miss đã ghi phiếu.
- ☐ Có dung dịch trung hòa khi dùng acid.
- ☐ Nhân viên biết hotline 0905 751 566.

ĐIỀU KIỆN SỬ DỤNG TÀI LIỆU
Tài liệu là tiêu chuẩn nội bộ, không thay thế văn bản pháp luật hoặc yêu cầu hợp đồng.

SONGANHHYG

DỊCH VỤ TỪ TRÁI TIM

Hồ sơ này là một phần trong thư viện bằng chứng năng lực 2026 của SONGANHHYG: tiêu chuẩn nghề, năng lực dịch vụ, ca triển khai và cơ chế bảo vệ rủi ro cho khách hàng B2B.

Liên hệ để nhận bộ hồ sơ đầy đủ

Hotline: 0905 751 566
Email: danangadv@gmail.com
Website: https://dichvuvesinhdanang.com
Địa chỉ: K57/10 Giang Văn Minh, Hòa Thuận Tây, Đà Nẵng
Mã số thuế: 00401989912

NGUYÊN TẮC CÔNG BỐ

Chỉ công bố dữ liệu đã được khách hàng xác nhận bằng văn bản hoặc dữ liệu minh họa có gắn nhãn rõ ràng. Không sử dụng logo, ảnh nhận diện, tên nhân sự hoặc thông tin nội bộ khi chưa có consent. Mọi trích dẫn phải giữ nguyên ngữ cảnh, đơn vị đo và điều kiện thử nghiệm.

DỊCH VỤ TRÊN WEBSITE

- Vệ sinh công nghiệp